

CHỦ NGHĨA MÁC VỚI CHỦ NGHĨA TỰ DO MỚI VỀ KINH TẾ

★ PGS, TS NGÔ TUẤN NGHĨA
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

- Tóm tắt:** Chủ nghĩa Mác về kinh tế luận chứng cho con đường tất yếu hình thành phương thức sản xuất mới thay thế phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Trước màu sắc muôn vẻ của chủ nghĩa tự do ở phương Tây hiện nay, tưởng chừng chủ nghĩa tự do mới lần át Chủ nghĩa Mác, trái lại, sau nhiều cuộc khủng hoảng trong lòng chủ nghĩa tư bản hiện đại, chủ nghĩa tự do mới về kinh tế không đủ sức giải thích cho sự phát triển của chủ nghĩa tư bản. Bài viết phân tích, nhận diện chủ nghĩa tự do mới và bản chất không thay đổi của chủ nghĩa tư bản; khẳng định chủ nghĩa Mác vẫn giữ nguyên giá trị thời đại của mình trong việc luận chứng cho con đường tất yếu của nhân loại đi đến tương lai tốt đẹp hơn.
- Từ khóa:** chủ nghĩa Mác, chủ nghĩa tự do mới về kinh tế, chủ nghĩa tư bản.

1. Nhận diện chủ nghĩa tự do mới

Trong những năm cuối thập kỷ 70 của thế kỷ XX, khi hệ thống lý thuyết kinh tế chính trị tư sản nhấn mạnh vai trò nhà nước tư sản trong điều tiết nền kinh tế tư bản chủ nghĩa (TBCN) dần mất đi vị thế độc tôn trong tư duy lý luận kinh tế của các nền kinh tế tư bản, các chuyên gia lý luận kinh tế của các nước tư bản phát triển đã cố vũ cho trào lưu tư duy lý luận dựa trên nền tảng tư tưởng tự do kinh tế hình thành trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản (CNTB) đang lên để áp dụng vào bối cảnh hiện đại. Xu hướng lý luận như vậy được xác lập dưới tên gọi Chủ nghĩa tự do mới (CNTDM).

CNTDM về kinh tế mặc dù không phủ nhận hoàn toàn vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường TBCN, song về mặt quan điểm, nó

chỉ muốn có một vai trò nhà nước tối thiểu hay chính xác hơn, nó cần những nhà nước dẫn dắt bởi quan điểm tự do tư sản và hành động để bảo vệ, chứng minh cho sự bền vững của chế độ TBCN.

Trở lại lịch sử CNTB sau cuộc khủng hoảng kinh tế 1973, các nền kinh tế tư bản suy thoái trầm trọng. Khác với các cuộc khủng hoảng trước đó, hoặc lạm phát xảy ra, hoặc tăng trưởng chậm lại, cuộc khủng hoảng 1973-1974 diễn ra với mức lạm phát cao đi liền với tốc độ tăng trưởng suy giảm mạnh mẽ. Các nhà lý luận kinh tế chính trị CNTDM đã khẳng định rằng, nguồn gốc của khủng hoảng bắt rễ trong quyền lực của các công đoàn, của các phong trào công nhân. Các nhà tự do mới cho rằng, chính yếu sách của công nhân về tiền lương và phúc lợi

xã hội đã ảnh hưởng tai hại đến tích lũy tư nhân TBCN, làm cho đầu tư giảm sút, sản xuất đình đốn, đồng tiền mất giá tác động xấu trở lại đối với công nhân. Vì tính chất khủng hoảng được nhìn nhận trong lăng kính như vậy mà các quan điểm về toàn dụng nhân công, việc làm và nhà nước phúc lợi đã không còn đủ thuyết phục. Thay thế vào đó là quan điểm cho rằng nhà nước không nên thực hiện vai trò của mình một cách rộng rãi, nhà nước không nhất thiết cần can thiệp vào thị trường, nhà nước phải để cho thị trường điều tiết kinh tế, tài chính và xã hội. Ổn định tiền tệ phải là mục tiêu tối thượng của mọi quốc gia. Phải thực hiện một kỷ luật ngân sách nghiêm ngặt, hạn chế chi tiêu xã hội, phải xã hội hóa những lĩnh vực trước đây là của chính phủ để nhân dân đóng góp vào sự nghiệp chung, trong đó có gia đình và cá nhân. CNTDM kêu gọi nhà nước tối thiểu, song lại đòi hỏi vai trò tối đa của nhà nước về khía cạnh phục vụ sở hữu tư nhân, phục vụ các tập đoàn tư bản bá quyền.

Sau nhà nước là vấn đề cá nhân. CNTDM nhấn mạnh việc đặt cá nhân lên trên xã hội. CNTDM không thừa nhận cá nhân trong mối quan hệ tùy thuộc, hợp tác, hội nhập với một tổng thể xã hội quốc gia và toàn cầu hơn. Đối với CNTDM, cá nhân là trục xuyên suốt toàn bộ xã hội và lịch sử. Nếu cá nhân đó áp đặt được cho tập thể cái cá thể trung tâm của mình vì lợi ích riêng thì cũng không có vấn đề gì. Miễn đó vẫn là những cá nhân. Quan điểm như vậy của CNTDM dẫn đến việc không thừa nhận tính tập thể xã hội của lợi ích chung, lợi ích tập thể sẽ bị lấn át, thậm chí bị bác bỏ.

Các thiết chế trụ cột của CNTDM bao gồm Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), các tổ chức tài chính quốc tế (IFI). Các tổ chức tài chính quốc tế này ép buộc các nước phải tư nhân hóa những

ngành cơ bản của nền kinh tế như năng lượng, bưu chính, thậm chí cả nước sạch sinh hoạt. Các IFI thường yêu cầu đòi cho các nước phát triển độc quyền kiểm soát tài sản trí tuệ (IP) như các bằng sáng chế dược phẩm, các công nghệ môi trường, nhưng không quan tâm đúng mức đến bảo hộ tài nguyên thiên nhiên, v.v..

Về nhân sinh quan, CNTDM cho rằng con người sinh ra vốn không bình đẳng, mà như vậy cũng không có gì là xấu, bởi lẽ công hiến của những người giàu được hưởng thụ một nền giáo dục tốt cũng có thể thâm thấu đến người nghèo. Những người nghèo, không được giáo dục đến nơi, đến chốn chỉ nên tự trách mình và đừng trở thành gánh nặng cho xã hội.

Về hiện thực, CNTDM ngoài việc khuyến mãi đơn thuần tự do hóa, tư hữu hóa và phi điều tiết không quên đi liên với mục đích bảo vệ nền tảng và sự tồn tại của chế độ TBCN. CNTDM, vì thế luôn dành trọng tâm đấu tranh quyết liệt vào việc bác bỏ những gì mang tính công hữu, tính chất tập thể, những chính sách có mục tiêu xã hội cùng những hình thức tổ chức chính trị xã hội có tính chất xã hội chủ nghĩa như công đoàn, hợp tác xã, dịch vụ công ích, chính đảng cánh tả... CNTDM, do đó, về bản chất không thuần túy chỉ là lý thuyết kinh tế. Đó là hệ thống lý luận kinh tế chính trị mới của CNTB được hình thành từ trong lòng CNTB phát triển từ những thập kỷ cuối của thế kỷ XX.

2. Chính sách tự do mới không giúp thay đổi bản chất của CNTB

Dưới sự ảnh hưởng của CNTDM, trong các nước tư bản có nhiều điều chỉnh cả về vai trò của thị trường cũng như các xu hướng sở hữu. Tuy nhiên, bản chất CNTB vẫn dựa trên nền tảng của chế độ sở hữu tư nhân. Chế độ sở hữu này là cơ sở của chế độ phân phối thu nhập và cơ hội thụ hưởng các thành quả phát triển của

đại đa số người dân. Như đã chỉ ra, với CNTDM, việc bất bình đẳng luôn là động lực cần thiết để các thành viên trong xã hội phấn đấu. Việc duy trì bất bình đẳng vì vậy, xét về phương diện nào đó là có lợi cho con đường tìm kiếm động lực của CNTB. Bản chất phân hóa, địa vị phụ thuộc về kinh tế của bộ phận lớn xã hội vào một nhóm nhỏ trong tổng số dân vẫn chưa hề thay đổi trong hiện trạng phát triển của CNTB ngày nay. Những vấn đề bản chất của CNTB ngày nay vẫn còn tồn tại, có thể được xem xét trên một số nét như sau:

Thứ nhất, mục đích của nền sản xuất TBCN vẫn tập trung chủ yếu vì lợi ích của thiểu số giai cấp tư sản

Mục đích của nền sản xuất TBCN không phải vì lợi ích của đông đảo quần chúng nhân dân lao động, mà chủ yếu vì lợi ích của thiểu số giai cấp tư sản, của bọn tư bản độc quyền, nhất là tư bản tài chính. Mục đích này không phù hợp với thời đại phát triển của cách mạng công nghiệp hiện đại, không phù hợp với yêu cầu của trình độ xã hội hóa cao của lực lượng sản xuất, với quy luật phát triển của xã hội loài người. Đó là do cơ sở kinh tế của CNTB là dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, trong đó giai cấp công nhân là những người lao động không có hoặc về cơ bản không có tư liệu sản xuất, họ phải bán sức lao động cho các nhà tư bản và bị bóc lột giá trị thặng dư.

Trong CNTB hiện đại, tư liệu sản xuất vẫn tập trung trong tay các nhà tư bản, đặc biệt là nằm trong tay các tập đoàn tư bản độc quyền, do đó họ là người chi phối việc phân phối sản phẩm xã hội sản xuất ra vì lợi ích của thiểu số giai cấp tư sản, của một nhóm nhỏ tư bản độc quyền. Vì mục đích lợi nhuận độc quyền cao, các tập đoàn độc quyền không giảm giá cả hàng

hóa sản xuất ra, mà họ luôn áp đặt giá bán cao và giá mua thấp, hạn chế sản lượng hàng hóa; các hoạt động nghiên cứu, phát minh, sáng chế chỉ được thực hiện khi vị thế độc quyền của họ được đảm bảo, không có nguy cơ bị lung lay. Do vậy, độc quyền cũng góp phần làm kìm hãm cơ hội có thể phát triển tốt hơn cho nhân loại, mặc dù nền kinh tế của các nước tư bản chủ nghĩa hiện nay vẫn đang phát triển ở những mức độ nhất định.

Thứ hai, khủng hoảng thừa nhưng nhân loại không được dùng hàng hóa với giá cả rẻ hơn.

Khủng hoảng năng lực sản xuất thừa, do chạy đua với mục tiêu lợi nhuận tối đa, cộng với việc áp dụng rộng rãi công nghệ tiên bộ, năng suất lao động trong các nước tư bản phát triển đã đạt đến mức cao mang tính mơ ước đối với các nước đang phát triển. Thế nhưng, vấn đề thật nghịch lý ở chỗ, năng lực sản xuất đó không phải luôn tạo ra cơ hội cho tất cả các thành viên. Dẫn tới không phải lúc nào nền kinh tế thị trường TBCN cũng hấp thu hết những gì mà tự thân nó vận hành tạo ra. Hệ quả là, nhiều doanh nghiệp tư bản đã không ngần ngại trút bỏ hàng hóa, từ đồ gia dụng, lương thực, thực phẩm đến cả phương tiện chiến tranh xuống biển để nhằm giữ giá cả độc quyền và từ đó duy trì lợi nhuận độc quyền. Khi việc đổ hàng hóa đi đó tạo ra dư địa có lợi hơn so với việc bán rẻ số hàng hóa đó cho đại chúng thì các nhà tư bản sẽ lựa chọn phương án thứ nhất. Lợi ích độc quyền tư bản bị đe dọa, hàng hóa có thể bị đổ đi, năng lực sản xuất thừa không phải là tiền đề cho việc cải thiện thu nhập thực tế cho toàn xã hội tư bản.

Thứ ba, CNTB đã và đang tiếp tục tham gia gây ra chiến tranh và xung đột ở nhiều nơi trên thế giới

Vì sự tồn tại, phát triển, các cường quốc tư bản ra sức chiếm lĩnh thuộc địa, chiếm lĩnh thị

trường, các cường quốc tư bản đã tiến hành phân chia lãnh thổ, thị trường thế giới. Nhưng do sự phân chia lãnh thổ và thị trường thế giới dựa vào sức mạnh của các cường quốc tư bản, hơn nữa do sự phát triển không đều về kinh tế và chính trị của các nước tư bản, tất yếu dẫn đến cuộc đấu tranh đòi phân chia lại thị trường thế giới sau khi đã chia xong. Đó chính là nguyên nhân chính dẫn đến hai cuộc chiến tranh thế giới: lần thứ nhất (1914 - 1918) và lần thứ hai (1939 - 1945) cùng với hàng trăm cuộc chiến tranh khác trên thế giới và là nguyên nhân của các cuộc chạy đua vũ trang, chiến tranh lạnh đã kéo tụt lùi kinh tế thế giới hàng chục năm. Sang đầu thế kỷ XXI, chiến tranh lạnh đã tạm thời kết thúc; nguy cơ chiến tranh thế giới cũng đã bị đẩy lùi, nhưng điều đó không có nghĩa là chiến tranh đã bị loại trừ hoàn toàn. Hiện nay, trên thế giới hàng chục cuộc chiến tranh cục bộ, chiến tranh khu vực, chiến tranh sắc tộc và chiến tranh thương mại vẫn liên tiếp xảy ra, trong đó hoặc đứng bên trong hay đằng sau, hoặc trực tiếp hay gián tiếp, hoặc ngầm ngầm hay công khai đều có “bàn tay” của các cường quốc tư bản.

Thứ tư, sự phân hóa giàu - nghèo trong lòng các nước tư bản có xu hướng ngày càng sâu sắc

Sự phân hóa, chênh lệch giàu - nghèo trong các nước tư bản đã tồn tại ngay từ khi CNTB ra đời bằng quá trình tích lũy nguyên thủy của tư bản - giai cấp tư sản dùng “bạo lực” để tước đoạt những người sản xuất nhỏ, đặc biệt là những người nông dân cá thể. CNTB càng phát triển, tích lũy, tích tụ và tập trung tư bản càng cao, giá trị thặng dư mà các tập đoàn tư bản độc quyền thu được càng lớn, làm cho thu nhập của giai cấp công nhân ngày càng giảm tương đối, còn thu nhập của giai cấp tư sản thì ngược lại.

Vì mục đích giá trị thặng dư, mục đích làm giàu và thống trị thế giới, trước đây các tập đoàn tư bản độc quyền và các cường quốc tư bản đã không ngừng tăng cường xâm chiếm thuộc địa. Nhưng đến nửa cuối thế kỷ XX, hệ thống thuộc địa kiểu cũ tan rã làm cho chủ nghĩa thực dân cũ bị sụp đổ hoàn toàn. Các cường quốc tư bản chuyển sang thi hành chính sách thực dân mới, mà nội dung chủ yếu là dùng viện trợ kinh tế, kỹ thuật, quân sự, thực hiện “chiến lược biên giới mềm”, để duy trì sự lệ thuộc của các nước đang phát triển. Đây chính là một trong những nguyên nhân chủ yếu làm cho sự phân cực giàu - nghèo giữa các quốc gia trên thế giới ngày càng cao. Một nhóm nhỏ các cường quốc tư bản ngày càng giàu lên nhanh chóng, còn đại bộ phận các quốc gia còn lại, nhất là các nước chậm phát triển thì vẫn chìm sâu trong nạn đói nghèo và bệnh tật.

Những hạn chế trên đây của CNTB bắt nguồn từ mâu thuẫn cơ bản của CNTB, đó là mâu thuẫn giữa trình độ xã hội hóa ngày càng cao của lực lượng sản xuất với quan hệ sản xuất dựa trên chiếm hữu tư nhân TBCN về tư liệu sản xuất. Trong CNTB, vì mục đích lợi nhuận, các nhà tư bản ra sức cải tiến kỹ thuật, ứng dụng những thành tựu công nghệ hiện đại, những phương pháp sản xuất tiên tiến, hợp lý hóa sản xuất, tăng năng suất lao động để hạ giá trị cá biệt của hàng hóa. Do đó, CNTB càng phát triển, trình độ xã hội hóa của lực lượng sản xuất ngày càng cao trong khi quan hệ sản xuất lại dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân TBCN về tư liệu sản xuất. Mặc dù trong quá trình phát triển của CNTB, quan hệ sản xuất TBCN trong những chừng mực nhất định cũng đã không ngừng được điều chỉnh, mở rộng để mang tính xã hội hơn về hình thức cả về quan hệ sở hữu, quan hệ quản lý và quan hệ phân phối. Đặc biệt

quan hệ sở hữu TBCN đã có sự vận động về mặt hình thức từ sở hữu tư nhân của các nhà tư bản (trong giai đoạn CNTB tự do cạnh tranh) đến sở hữu tập thể của các nhà tư bản (CNTB độc quyền) và hình thức sở hữu nhà nước tư sản với tư cách là đại diện xã hội (CNTB độc quyền nhà nước). Những sự điều chỉnh về quan hệ sở hữu đó đã có những sự phù hợp nhất định với trình độ xã hội hóa ngày càng cao của lực lượng sản xuất. Điều này cho thấy, nền sản xuất ở các nước TBCN hiện nay vẫn có những sự thích ứng và những sự phát triển nhất định. Mặc dù vậy, trong xã hội tư bản hiện đại mâu thuẫn cơ bản của CNTB vẫn tồn tại và CNTB không tự giải quyết được mâu thuẫn cơ bản của mình.

Vì vậy, CNTB càng phát triển, mâu thuẫn cơ bản của CNTB ngày càng gay gắt và CNTB phát triển đến một trình độ nhất định thì quan hệ sản xuất TBCN sẽ bị thay bằng một quan hệ sản xuất khác dựa trên sở hữu xã hội về tư liệu sản xuất để phù hợp với trình độ xã hội hóa ngày càng cao của lực lượng sản xuất. Đó là do yêu cầu của quy luật quan hệ sản xuất phải phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất quy định. Lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định: CNTB không tồn tại vĩnh viễn, mà phát triển đến một trình độ nhất định sẽ bị thay thế bởi một hình thái kinh tế - xã hội mới tiến bộ hơn.

3. Chủ nghĩa Mác vẫn giữ vai trò quan trọng trong sinh thái chủ nghĩa tự do mới trong giai đoạn hiện nay

Như đã đề cập hiện thực lịch sử nêu trên, tìm kiếm cách thức phát triển nào khả dĩ đối với CNTB ngày nay là mệnh lệnh đặt ra từ cuộc sống đối với các học giả tư sản tiến bộ, thậm chí cả bảo thủ. Ngày càng nhiều công trình nghiên cứu của các chuyên gia, các nhà kinh tế lớn của Hoa Kỳ, của các quốc gia Tây Âu tìm

kiếm, luận chứng hiện thực lịch sử của CNTB, dù không chủ ý song lại thể hiện cách tiếp cận rất gần với tinh thần mácxít¹.

Quay trở lại hay tiếp thu lý luận tích lũy tư bản vì mục tiêu giá trị thặng dư của C.Mác. Từ trong tinh thần sâu sắc của học thuyết giá trị thặng dư, C.Mác luận chứng một cách khoa học về việc CNTB thật sự sẽ tự phủ định nó, giai cấp tư sản sẽ “đào huyệt vùi chôn chính nó”. Thực tế các nhà tư bản tích lũy những lượng tư bản tăng lên không ngừng, tất yếu dẫn tới xu hướng tỷ suất lợi nhuận trên phạm vi toàn bộ nền sản xuất giảm dần (mặc dù cục bộ luôn luôn có ngành, có lĩnh vực mới xuất hiện, tỷ suất lợi nhuận không ngừng tăng lên). Và như vậy, nếu không chống lại được khuynh hướng tất yếu đó, nền sản xuất TBCN sẽ mất đi động lực của nó. Vậy phải làm thế nào để khắc phục được khó khăn đó. Việc quay trở lại lý luận của C.Mác đã giúp cho các lý luận gia tư sản thấy được ánh sáng. Lý luận kinh tế học hiện đại trong lòng các nước tư bản đã tìm thấy sự lý giải về mối quan hệ giữa tăng năng suất lao động để có được giá trị thặng dư tương đối, từ đó làm cho động lực của nền sản xuất TBCN tiếp tục được duy trì. T.Piketty mô tả: Ở những nơi không có tăng trưởng cơ cấu, đồng thời tỷ lệ tăng trưởng năng suất và dân số bằng 0, chúng ta đứng trước sự mâu thuẫn logic rất gần với những gì C.Mác đã mô tả. Nếu tỷ lệ tiết kiệm có giá trị dương, tức các nhà tư bản dựa vào sự tích lũy tư bản mỗi năm một nhiều hơn để gia tăng quyền lực và duy trì vĩnh viễn lợi thế của họ, hoặc chỉ đơn thuần vì mức sống của họ vốn dĩ đã cao, thì tỷ lệ tư bản/thu nhập sẽ tăng vô hạn. Nói tổng quát hơn, nếu tỷ lệ tăng trưởng gần bằng 0, tỷ lệ tư bản/thu nhập dài hạn có xu hướng tiến tới vô hạn. Và nếu tỷ lệ này cực kỳ lớn, thì tỷ suất sinh lợi của tư bản phải ngày càng nhỏ dần và ngày

càng gần bằng 0, còn không thì tỷ trọng thu nhập của tư bản trong thu nhập quốc gia cuối cùng sẽ chiếm hết toàn bộ thu nhập quốc gia. Như vậy, sự mâu thuẫn mà C.Mác đã vạch ra tương ứng với khả năng thực tế, từ đó lối thoát logic duy nhất là tăng trưởng cơ cấu, là con đường duy nhất để cân bằng tích lũy tư bản (đến một độ nhất định). Chỉ có tăng trưởng năng suất và dân số lâu dài mới có thể bù trừ cho sự gia tăng lượng tư bản lâu dài. Bằng không, các nhà tư bản quả thật sẽ đào mồ chôn chính mình, hoặc là họ sẽ xâu xé lẫn nhau trong nỗ lực tuyệt vọng để chống lại tỷ suất lợi nhuận giảm dần (ví dụ thông qua tiến hành chiến tranh để tranh giành những cơ hội đầu tư béo bở nhất, hoặc họ ép công nhân phải chấp nhận tỷ trọng thu nhập lao động ngày càng ít hơn trong thu nhập quốc gia, cuối cùng dẫn đến cách mạng vô sản và sung công tài sản. Bất luận trong trường hợp nào, tư bản cũng bị xói mòn bởi chính xung đột từ bên trong².

Không phải ngẫu nhiên, rất nhiều nhà kinh tế tư sản đã ngày càng phải thừa nhận sự thực (điều này đã được C.Mác chỉ ra, rằng tư sản tự hủy hoại mình) người giàu cũng nằm trong bầy³. Hiện tượng kết hợp giải thích cho các bầy nghèo khổ đồng thời cũng giải thích cho các bầy giàu có. Sẽ có một số khu vực tập trung các kỹ năng có giá trị và những khu vực này sẽ giàu có hơn nhiều so với những nơi khác. Chỉ nhìn qua cũng có thể nhận thấy một sự tập trung như vậy: đó là ở các thành phố. Hơn nữa, có một sự tập trung mạnh mẽ ngay giữa các thành phố: các hạt nhân

ở hành lang Boston - Washington có tỷ lệ người giàu có trên đầu người cao hơn 80% so với các hạt khác⁴. Cuộc đại suy thoái sau năm 2009 đã khiến cuộc sống của tầng lớp trung lưu ở Mỹ gặp nhiều khó khăn, nhưng cuộc sống của những người thuộc tầng lớp nghèo còn khó khăn hơn; ngày càng có nhiều người Mỹ không thể đáp ứng được những nhu cầu tối thiểu của cuộc sống⁵. Nguyên nhân của hiện trạng này đã được C.Mác luận giải tường tận trong lý luận giá trị thặng dư của mình. Các chuyên gia tư sản mặc

Các chuyên gia tư sản mặc dù không thừa nhận C.Mác song đã không thể phủ nhận được thực tế xu hướng phân hóa xã hội sâu sắc giữa tư sản và người làm thuê. Niềm tin vào sự công bằng của nước Mỹ, rằng chúng ta đang sống ở đất nước bình đẳng về cơ hội, giúp chúng ta sát lại gần nhau. Ít nhất đó là câu chuyện cổ tích của nước Mỹ, có sức ảnh hưởng lâu dài.

dù không thừa nhận C.Mác song đã không thể phủ nhận được thực tế xu hướng phân hóa xã hội sâu sắc giữa tư sản và người làm thuê. Niềm tin vào sự công bằng của nước Mỹ, rằng chúng ta đang sống ở đất nước bình đẳng về cơ hội, giúp chúng ta sát lại gần nhau. Ít nhất đó là câu chuyện cổ tích của nước

Mỹ, có sức ảnh hưởng lâu dài. Nhưng người ta dần nhận ra, đó chỉ là câu chuyện hoang đường⁶. Tất nhiên, vẫn có những trường hợp ngoại lệ, nhưng với các nhà kinh tế học và xã hội học, vấn đề quan trọng không phải là một vài cá nhân thành công mà là đa số những người thuộc tầng lớp nghèo và tầng lớp trung lưu. Liệu họ có cơ hội để vươn lên tầng lớp trên không? Nếu nước Mỹ thực sự là miền đất của cơ hội, thì khả năng thành công, vươn lên nhóm 10% giàu nhất của một người sinh ra trong gia đình nghèo khó ngang bằng với một người giàu có, được học hành và có quan hệ tốt. Nhưng sự thực không phải như vậy, một số bằng chứng còn cho thấy cơ hội đó rất mong manh⁷.

Từ thực tế khách quan như vậy, đã xuất hiện ý kiến đề xuất của giới tinh hoa tư sản, rằng một thế giới khác là không xa vời⁸. Một nền kinh tế hiệu quả hơn và một xã hội công bằng hơn phải xuất phát từ việc làm cho thị trường hoạt động giống một thị trường hơn, cạnh tranh hơn, ít bóc lột hơn - và giảm dư thừa. Quy luật của trò chơi không chỉ tác động đến hiệu suất của hệ thống kinh tế mà còn tác động đến sự phân phối. Quy luật sai lầm dẫn đến một nền kinh tế kém hiệu quả và một xã hội phân hóa. Đầu tư nhiều hơn cho xã hội - cho giáo dục, công nghệ và cơ sở hạ tầng, đồng thời cung cấp an sinh cho những người dân bình thường để tạo ra một nền kinh tế hiệu quả, năng động hơn và tạo nhiều cơ hội hơn cho các nhóm trong xã hội⁹. Việc khiến xã hội trở nên công bằng hơn có thể tác động đến hệ tư tưởng chi phối hiện nay, hệ tư tưởng ảnh hưởng đến các chính sách kinh tế vĩ mô. Chúng ta đã xác định được một số quan điểm sai lầm làm nền tảng cho hệ tư tưởng này. Chúng ta có thể phá vỡ cái vòng luẩn quẩn, trong đó, sự thống trị về chính trị của tầng lớp thượng lưu

dẫn đến những niềm tin và chính sách làm gia tăng sự bất bình đẳng về kinh tế và củng cố địa vị của họ. GDP không phải là thước đo hiệu quả kinh tế, nó không phản ánh chính xác những thay đổi về mức sống, theo nghĩa rộng, của đa số người dân, và nó không cho chúng ta biết liệu tăng trưởng có bền vững không¹⁰.

Nhìn chung, dù được diễn đạt dưới các ngôn từ khác so với cách trình bày của C.Mác, nhưng sự thực, tư duy lý luận của học giả tư sản đã thể hiện sự thấu hiểu bản chất cố hữu của CNTB và thấy rằng, một trật tự tư bản, nền sản xuất tư bản dựa trên tích lũy tư bản vì mục tiêu tạo dựng sự giàu có cho một bộ phận nhỏ (ở nước Mỹ là 1% dân số giàu nhất) trong khi đại chúng (99%) trong trạng thái bấp bênh là hệ quả trực tiếp do bản chất của CNTB sản sinh ra. Điều này là tất yếu nếu xét theo logic lý luận đã được C.Mác chỉ ra trong học thuyết giá trị thặng dư của mình. Những tinh thần mới trong tư duy lý luận chủ nghĩa tự do của giới tinh hoa trong các nước TBCN góp phần mang lại sức sống mới cho chủ nghĩa Mác ngày nay ❖

¹ Đáng nêu ra trong số đó như: George Soros: *Khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản toàn cầu (xã hội mở bị hiểm nguy)* (The crisis of global Capitalism (open society endangered), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1999; Christopher Ryan: *Chết bởi văn minh - cái giá của sự tiến bộ* (Civilized to death: The price of progress), Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2023; Thomas Piketty: *Tư bản thế kỷ XXI* (Le Capital au XXIe siècle), Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2021...

²Xem Thomas Piketty: *Tư bản thế kỷ 21*, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2021, tr.278-279.

^{3,4} Xem William Easterly: *Truy tìm căn nguyên tăng trưởng*, Nxb Lao động-Xã hội, Hà Nội, 2009, tr.253, 254.

^{5,6,7,8,9,10} Xem Joseph E. Stiglitz. *Cái giá của sự bất bình đẳng*, Nxb Tri thức, Hà Nội, 2021, tr.117, 121,121 552, 553. Nếu gạt bỏ đi địa vị tư sản của nhà kinh tế học này, sự thực không khác về bản chất so với tinh thần chủ nghĩa xã hội trong lý luận kinh tế của C.Mác, tr.554.